

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số : 155/2019/DS-PT

Ngày: 05/6/2019

“V/v: Tranh chấp QSDĐ”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phXc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.

Các Thẩm phán: Ông Lê Hồng Nước.

Ông Sỹ Danh Đạt.

- Thư kX phiên tòa: Bà Lê Thanh Mai – Thư kX Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Nguyễn Bình Thành - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong các ngày 09/5 và 05/6/2019 tại Trụ sở tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phXc thẩm công khai vụ án thụ lX số: 47/2019/TLPT- DS ngày 17 tháng 01 năm 2019 về “tranh chấp dân sự về quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 56/2018/DS – ST ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung bị kháng cáo.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử phXc thẩm số: 101/2019/QĐ – PT ngày 18 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: anh Nguyễn Mạnh Nam H, sinh năm: 1978; chị Triệu Thị P, sinh năm: 1979; Cùng địa chỉ: T ấp x, xã Hòa Thành, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của Triệu Thị P là Nguyễn Mạnh Nam H, sinh năm: 1978; Địa chỉ: T ấp x, xã Hòa Thành, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Bà Lương Thị X, sinh năm: 1945; Địa chỉ: T ấp X, xã Hòa Thành, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm: 1965;

2. Bà Nguyễn Thị Kim P, sinh năm: 1972;

3. Ông Nguyễn Mạnh Bảo Q, sinh năm: 1977;

4. Ông Nguyễn Mạnh Bảo K, sinh năm: 1982;
5. Ông Nguyễn Mạnh Phước H, sinh năm: 1975;
6. Chị Nguyễn Thị Như Y, sinh năm: 1999;
7. Chị Nguyễn Thị Như Q, sinh năm: 2002;

Cùng địa chỉ: T ấp x, xã Hòa Thành, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp cho Nguyễn Thị Như Q là Nguyễn Thị Kim P, sinh năm: 1972; Địa chỉ: T ấp x, xã Hòa Thành, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

8. Ủy Ban nhân dân huyện Lai Vung; Người đại diện theo pháp luật là ông Hồ Thanh P – Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện Lai Vung; Địa chỉ: QL80, khóm 1, thị trấn Lai Vung, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

9. Người kháng cáo bà Lương Thị X, Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn Thị Kim P, Nguyễn Mạnh Bảo Q, Nguyễn Mạnh Bảo K, Nguyễn Mạnh Phước H, Nguyễn Thị Như Y, Nguyễn Thị Như Q là bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan của vụ án.

(Anh H, bà X, anh H có mặt; chị T, chị P, anh Q, anh K, chị Y, chị Q vắng mặt; đại diện UBND huyện Lai Vung có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 08/3/2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 20/3/2018; Biên bản phiên họp về kiểm tra, việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Biên bản hòa giải; Biên bản lấy lời khai; Biên bản đối chất; Các chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa anh Nguyễn Mạnh Nam H đồng thời là đại diện theo ủy quyền của chị Triệu Thị P trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 461, tờ bản đồ số 03, diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 1.423m², đất tọa lạc tại xã Hòa Thành, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp là của ông Nguyễn Minh Triều (ông nội của anh H) được Trưởng ty điền địa Sa Đéc cấp Tờ Chứng thư và Tờ Chứng khoán diện tích 1.500m², sau khi ông Triều chết, vào năm 1993 ông Nguyễn Mạnh Đông Triều (cha của anh H) được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 1994 bà Lương Thị X bao chiếm và sử dụng đến nay. Ông Triều khiếu nại UBND huyện Lai Vung giải quyết bằng Quyết định số 129/QĐ-UB, ngày 25/10/1994 buộc bà X trả đất cho ông Triều nhưng sau đó Quyết định số 132/QĐ-UB-NĐ, ngày 15/9/1997 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp hủy bỏ quyết định số 129 của UBND huyện Lai Vung IY do là đất tranh chấp đã được cấp quyền sử dụng đất và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Ông Triều khởi kiện ra Tòa án

nhưng sau đó ông Triều chết, đến nay anh H là con ông Triều, là người thừa kế duy nhất của ông Triều làm hồ sơ khởi kiện yêu cầu hộ bà Lương Thị X trả đất.

Anh Nguyễn Mạnh Nam H, chị Triệu Thị P yêu cầu hộ bà Lương Thị X gồm có bà X, Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn Thị Kim P, Nguyễn Mạnh Bảo Q, Nguyễn Mạnh Bảo K, Nguyễn Mạnh Phước H, Nguyễn Thị Như Y, Nguyễn Thị Như Q pH di dời cây trồng và trả đất lại cho Nguyễn Mạnh Nam H và Triệu Thị P diện tích 1.187,9m² từ mốc M1, đến M2, M3, M6, M1 đất thuộc thửa đất số 461, tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại xã Hòa Thành, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, do ông Nguyễn Mạnh Đông Triều đứng tên quyền sử dụng đất. Bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông H đang quản lý, không có thể chấp.

Trên phần đất có khu mộ (19 ngôi mộ), Tòa án giải quyết ai được quyền quản lý sử dụng phần đất này thì vẫn giữ nguyên hiện trạng khu mộ, không có tranh chấp; đối với cây trồng như Mít, ổi có trên đất do hộ bà X trồng, nguyên đơn yêu cầu di dời trả đất cho nguyên đơn. Các gốc Trâm bầu và Bình bát không có giá trị sử dụng nên không có Y kiến gì, ai được quyền sử dụng đất thì sử dụng hoặc di dời.

Nguyên đơn thống nhất diện tích đất và cây trồng vật kiến trXc có trên đất theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ; Mạnh trích đo địa chính số 34-2018 của Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai Vung và Biên bản định giá của Hội đồng định giá tài sản huyện Lai Vung cùng ngày 16/5/2018.

* Theo Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Biên bản hòa giải; Biên bản lấy lời khai; Biên bản đối chất; Các chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa bị đơn Lương Thị X trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 461, tờ bản đồ số 03, diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 1.423m², đất tọa lạc tại xã Hòa Thành, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp hiện ông Đông Triều đứng tên quyền sử dụng đất là của cha chồng tên Nguyễn Minh Triết cho chồng bà là Nguyễn Mạnh Triều Đông trước khi bà X về làm vợ ông Đông. Đến năm 1969 ông Đông bán phần đất này cho bà Tạ Thị Nhẫn (có giấy xác nhận của Ủy Ban hành chính Hòa Thành xác nhận ngày 24/02/1969), phần đất bán cho bà Nhẫn là phần đất đang tranh chấp thửa 461 và luôn thửa 1972 nhà anh H đang ở đến giáp kênh thủy lợi; Năm 1973 vợ chồng bà X mua lại phần đất bán cho bà Nhẫn vào năm 1969 (có giấy xác nhận của Ủy Ban hành chính Hòa Thành xác nhận ngày 30/7/1973) phần đất mua lại của bà Nhẫn là phần đất đang tranh chấp thửa 461 và luôn thửa 1972 nhà anh H đang ở đến giáp kênh thủy lợi. Sau đó cho vợ chồng ông Nguyễn

Minh Triều (ông Nội của ông H) mượn phần đất này để canh tác, do ông Triều là chX ruột của ông Đông và thời gian này ông Đông ở chung nhà với ông Triều, nhưng không biết lY do gì ông Triều được cấp Tờ Chứng Thư và Tờ Chứng khoán diện tích 1.500m². Đến năm 1994 hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà Lương Thị X lấy lại sử dụng đến nay, vào thời gian này vợ của ông Triều (bà nội của anh H) còn sống trả lại đất cho bà X nhưng bà X không có giấy tờ gì chứng minh. Phần đất này có nguồn gốc rất lâu đời, chỉ có ông Triều và ông Đông Triều mới biết rõ, còn anh H thì còn nhỏ tuổi nên không biết về nguồn gốc đất, gia đình bà X đã cho gia đình anh H phần đất có căn nhà ông H đang ở.

Hộ bà Lương Thị X không đồng Y trả đất theo yêu cầu của nguyên đơn. Phần đất đang tranh chấp này hiện bà X đang sử dụng từ năm 1994 đến nay, bà X yêu cầu điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất này cho hộ bà X đứng tên quyền sử dụng đất diện tích 1.187,9m² từ mốc M1, đến M2, M3, M6, M1 đất thuộc thửa đất số 461, tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại xã Hòa Thành, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Trên phần đất có khu mộ (19 ngôi mộ), Tòa án giải quyết ai được quyền quản lY sử dụng phần đất này thì vẫn giữ nguyên hiện trạng khu mộ, không tranh chấp. Các cây trồng là Mít, ổi là do bà X trồng. Các gốc Trâm bầu và bình bát không có giá trị sử dụng nên không có Y kiến gì, ai được quyền sử dụng đất thì sử dụng. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn thì hộ bà X tự nguyện di dời cây trồng có trên đất, không yêu cầu trả giá trị cây trồng.

Bà X thống nhất diện tích đất và cây trồng vật kiến trXc có trên đất theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ; Mảnh trích đo địa chính số 34-2018 của Văn phòng đăng kY đất đai huyện Lai Vung và Biên bản định giá của Hội đồng định giá tài sản huyện Lai Vung cùng ngày 16/5/2018.

* Theo Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Biên bản hòa giải; Các chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa Nguyễn Thị Thanh T trình bày: Thống nhất theo Y kiến trình bày của bà Lương Thị X. Chị Nguyễn Thị Thanh T không đồng Y theo yêu cầu của nguyên đơn, ngoài ra không có yêu cầu gì trong vụ án này.

* Theo Biên bản lấy lời khai ông Phạm Văn Tranh trình bày: Ông có phần đất giáp ranh với thửa 461 của ông Triều. Ông Tranh sử dụng phần đất của ông từ khoảng năm 1965, từ khi ông sử dụng đến sau này ông cho con ông canh tác phần đất của ông thì ông Tranh chỉ thấy ông Triều canh tác sử dụng phần đất đang tranh chấp, không thấy gia đình bà X sử dụng phần đất này. Năm 1973

theo luật người cày có ruộng ai là người trực tiếp canh tác sử dụng phần đất thì được cấp chứng khoán, ông Triều là người trực tiếp canh tác phần đất nên được cấp chứng khoán phần đất đang tranh chấp. Sau khi ông Triều chết thì con ông Triều là Nguyễn Mạnh Đông Triều sử dụng, đến năm 1994 hộ gia đình bà X tranh chấp sử dụng phần đất này đến nay.

* Theo biên bản lấy lời khai của bà Nguyễn Thị Mười trình bày: Bà Mười biết vợ chồng bà X có bán đất cho bà Nhâm (là phần đất đang tranh chấp), sau đó vài năm thì vợ chồng bà X mua lại phần đất này, cụ thể vào năm nào thì bà Mười không nhớ rõ, ngoài ra bà Mười không biết gì thêm khác.

* Tại quyết định bản án sơ thẩm số 56/2018/DS-ST, ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Mạnh Nam H và Triệu Thị P về việc tranh chấp quyền sử dụng đất với hộ bà Lương Thị X.

- Buộc hộ bà Lương Thị X, Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn Thị Kim P, Nguyễn Mạnh Bảo Q, Nguyễn Mạnh Bảo K, Nguyễn Mạnh Phước H, Nguyễn Thị Như Y, Nguyễn Thị Như Q di dời cây trồng có trên đất gồm 52 cây mít (46 cây thuộc nhóm C và 6 cây thuộc nhóm D), 14 cây ổi và pH giao trả cho anh Nguyễn Mạnh Nam H, chị Triệu Thị P phần đất thuộc một phần thửa đất số 461, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.187,9m² từ mốc M1, đến M2, M3, M6, M1 đất tọa lạc tại xã Hòa Thành, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, do ông Nguyễn Mạnh Đông Triều đứng tên quyền sử dụng đất, theo Mảnh trích đo địa chính số 34-2018 của Văn phòng đăng kY đất đai huyện Lai Vung ngày 16/5/2018.

(Vị trí, hiện trạng, tứ cận, số đo của một phần thửa đất số 461, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.187,9m², mục đích sử dụng đất IXd, tọa lạc tại xã Hòa Thành, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, do ông Nguyễn Mạnh Đông Triều đứng tên quyền sử dụng đất, có biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và Mảnh trích đo địa chính số 34-2018 của Văn phòng đăng kY đất đai huyện Lai Vung ngày 16/5/2018 kèm theo).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật các đương sự pH có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai để kê khai, đăng kY, điều chỉnh cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với một phần thửa đất số 461, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.187,9m², mục đích sử dụng đất IXd, tọa lạc tại xã Hòa Thành, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, do ông Nguyễn Mạnh Đông Triều đứng tên quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

2. Về án phí và tạm ứng án phí:

- Hộ bà Lương Thị X pH chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Nguyễn Mạnh Nam H không pH chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại 1.312.500 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp vào ngày 30/3/2018 theo biên lai thu số 0001181 và 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp vào ngày 11/9/2018 theo biên lai thu số 0001435 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung.

3. Lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Anh Nguyễn Mạnh Nam H tự nguyện chịu 3.076.000 đồng tiền lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản. Anh Nguyễn Mạnh Nam H đã tạm nộp và đã chi xong.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/12/2018, bà X, chị T, chị P, anh Q, anh K, anh H, chị Y, chị Q kháng cáo với nội dung: yêu cầu Tòa án pHXc thẩm xét xử chấp nhận kháng cáo của gia đình chXng tôi, không đồng Y giao trả phần đất tranh chấp cho anh Nguyễn Mạnh H và chị Triệu Thị P vì đây là phần đất có nguồn gốc của gia đình bà X mua lại và gia đình bà quản lY, sử dụng từ năm 1994; đây là nguồn sống chủ yếu của gia đình, khi mất diện tích đất này thì không còn đất nào khác để canh tác. Trong trường hợp Tòa án cấp pHXc thẩm xét chấp nhận cho yêu cầu của gia đình anh H, chị P thì xin xem xét đến công sức đóng góp, cải tạo đất mà trong quá trình quản lY sử dụng 24 năm nay gia đình đã bồi đắp vào đất mà xem xét cho gia đình gia đình bà X được tiếp tục quản lY, sử dụng $\frac{1}{2}$ diện tích đất này là 593,95m². Nếu được chấp nhận thì yêu cầu xem xét về tiền án phí và lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá là $\frac{1}{2}$.

Tại phiên tòa pHXc, bà X thay đổi một phần nội dung kháng cáo là đồng Y trả lại đất cho anh H, chị P và yêu cầu anh H, chị P có nghĩa vụ trả giá trị các cây trồng trên đất tranh chấp, anh H, chị P được sở hữu số cây này, bà không đồng Y di dời cây trên đất. Anh H vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu Y kiến: Xét kháng cáo của bà X, chị T, chị P, anh Q, anh K, anh H, chị Y, chị Q về phần đất là không có căn cứ; về phần cây thì đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự và sửa một phần bản án sơ thẩm về phần này do các

đương đã thỏa thuận được với nhau; đình chỉ xét xử phXc thẩm đối với kháng cáo của chị T, chị P, anh Q, anh K, chị Y, chị Q.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phXc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phXc thẩm; sau khi nghe ý kiến của các đương sự và quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của bà Lương Thị X, chị Nguyễn Thị Thanh T, chị Nguyễn Thị Kim P, anh Nguyễn Mạnh Bảo Q, anh Nguyễn Mạnh Bảo K, anh Nguyễn Mạnh Phước H, chị Nguyễn Thị Như Y, chị Nguyễn Thị Như Q, Hội đồng xét xử xét thấy:

Anh Nguyễn Mạnh Nam H và bà Lương Thị X đều thống nhất thừa nhận phần đất đang tranh chấp có nguồn gốc trước đây là của ông Nguyễn Mạnh Triều Đông (chồng bà X). Anh H cho rằng phần đất đang tranh chấp này ông Đông bán cho bà Tư Ghé (bà Cóc Tư), sau đó bà Tư Ghé cho phần đất này cho ông Triều (ông nội của anh H) nhưng anh H không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh. Bà X thì cho rằng năm 1969 ông Đông bán phần đất này cho bà Tạ Thị Nhẫn, đến năm 1973 thì bà Nhẫn bán lại cho vợ chồng bà phần đất này bao gồm phần đất đang tranh chấp thửa 461 và thửa 1972 nhà anh H đang ở đến giáp kênh thủy lợi. Xét thấy, lời trình bày của bà X như trên là có căn cứ vì phù hợp với các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, như giấy xác nhận của Ủy Ban hành chính Hòa Thành ngày 24/2/1969 và giấy xác nhận của Ủy Ban hành chính Hòa Thành ngày 30/7/1973. Tuy nhiên, phần đất này ông Đông, bà X không trực tiếp canh tác sử dụng mà giao cho ông Nguyễn Minh Triều (là ông nội của anh H) trực tiếp canh tác sử dụng và theo “Luật người cày có ruộng” vào thời điểm đó thì ông Nguyễn Minh Triều là người đang trực tiếp canh tác phần đất đang tranh chấp nên vào ngày 23/12/1973 và ngày 29/12/1973 ông Triều được Trường ty điền địa Sa Đéc cấp Tờ Chứng Thụ và Tờ Chứng khoán diện tích 1.500m², bao gồm diện tích đất thuộc thửa 461 và 1972, là phù hợp pháp luật. Sau khi ông Triều chết năm 1980 thì con ông Triều là ông Đông Triều và là cha của anh H tiếp tục sử dụng phần đất này, đến năm 1993 ông Nguyễn Mạnh Đông Triều được Ủy ban nhân dân huyện Lai Vung cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy, việc cấp đất như trên là phù hợp pháp luật. Còn đối với lời trình bày của bà X cho rằng năm 1994 hộ bà X lấy lại phần đất đang tranh chấp này sử dụng, do mẹ của ông Triều trả lại đất cho bà, nhưng bà X không có tài liệu,

chứng cứ gì chứng minh ngoài “Tờ trình thân tộc ngày 20/11/1994” nhưng phía nguyên đơn không thừa nhận và nội dung Tờ trình thân tộc này cũng ghi rõ là đất ông Triều từ phần mộ trở ra, đất bà X từ phần mộ trở vào vườn; ông Triều cũng thể hiện Y chí trong văn bản này là không đồng Y trả đất cho bà X; đồng thời vào thời gian này phần đất này đã được cấp cho ông Đông Triều đứng tên thì lẽ ra các bên pH tiến hành các thủ tục luật định nếu có việc trả lại đất, nên lời trình bày này của bà X là không có cơ sở.

Từ những nhận định trên, xét thấy Tòa sơ thẩm xét xử đã xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

Ngoài ra, tại phiên tòa pHXc thẩm, mặc dù bà X có Y kiến đồng Y theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng Y trả đất cho nguyên đơn đồng thời có yêu cầu phía nguyên đơn pH trả tiền giá trị cây trồng của bà trên đất tranh chấp chứ không đồng Y di dời như Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc; anh H đồng thời là đại diện hợp pháp của chị P cũng đồng Y theo yêu cầu của bà X về việc trả giá trị cây trồng và đồng Y chịu án phí sơ thẩm về phần này. Xét thấy, bà X không pH là đại diện hợp pháp cho tất cả các đương sự khác là thành viên còn lại trong hộ là Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn Thị Kim P, Nguyễn Mạnh Bảo Q, Nguyễn Mạnh Bảo K, Nguyễn Mạnh Phước H, Nguyễn Thị Như Y, Nguyễn Thị Như Q trong khi họ không có mặt tại phiên tòa và cũng không có văn bản Y kiến đối với việc trả lại đất nên việc thống nhất Y kiến và yêu cầu đối với phần đất như trên giữa anh H với bà X chưa đủ điều kiện để Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự; còn đối với phần cây trồng thì Hội đồng xét xử xét thấy cây trồng là do bà X trồng, thuộc quyền sở hữu của bà X nên việc thống nhất giữa bà X và anh H về cây trồng nói trên thuộc trường hợp các đương đã thỏa thuận được, nên công nhận.

Vì vậy, Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm đối với phần cây trồng, công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự về phần này; bác kháng cáo của hộ bà X và anh H, giữ nguyên phần quyết định của bản án sơ thẩm về phần đất.

[2] Đối với 19 ngôi mộ của dòng họ hai bên trên đất tranh chấp thì giữa nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có Y kiến là vẫn giữ nguyên hiện trạng, không có tranh chấp gì; Tòa án cấp sơ thẩm chưa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Đối với các cây trám bầu và bình bát trên đất tranh chấp thì nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều không có tranh chấp và

đều có Y kiến là nếu Tòa án giải quyết phần đất thuộc quyền sử dụng của ai thì người đó được sở hữu, nên anh H và chị P được sở hữu các cây trâm bầu và bình bát trên phần đất tranh chấp.

[4] Đối với chị Nguyễn Thị Thanh T, chị Nguyễn Thị Kim P, anh Nguyễn Mạnh Bảo Q, anh Nguyễn Mạnh Bảo K, anh Nguyễn Mạnh Phước H, chị Nguyễn Thị Như Y và chị Nguyễn Thị Như Q có đơn kháng cáo không đồng ý có nghĩa vụ liên đới với bà X trả đất cho nguyên đơn nhưng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa phXc thẩm đến lần thứ hai mà không có lY do chính đáng, vì vậy, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phXc thẩm đối với kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thanh T, chị Nguyễn Thị Kim P, anh Nguyễn Mạnh Bảo Q, anh Nguyễn Mạnh Bảo K, chị Nguyễn Thị Như Y và chị Nguyễn Thị Như Q.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu việc tuân thủ pháp luật từ khi thụ lY vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đXng quy định của pháp luật và không có kháng nghị gì về thủ tục tố tụng. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề xuất hướng giải quyết là sửa một phần bản án sơ thẩm về phần cây trồng trên đất do các đương sự đã thỏa thuận được và công nhận sự thỏa thuận này; giữ nguyên phần quyết định của bản án sơ thẩm về phần đất; đình chỉ xét xử phXc thẩm đối với kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thanh T, chị Nguyễn Thị Kim P, anh Nguyễn Mạnh Bảo Q, anh Nguyễn Mạnh Bảo K, chị Nguyễn Thị Như Y, chị Nguyễn Thị Như Q, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị trên là phù hợp, nên chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm: anh H và chị P đồng ý chịu 401.000 đồng về việc trả giá trị cây trồng cho bà X.

[7] Về án phí phXc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên bà X không pH chịu.

[8] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 và khoản 2 Điều 312 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q hội về án phí, lệ phí Tòa án;

- Đình chỉ xét xử phXc thẩm đối với kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thanh T, chị Nguyễn Thị Kim P, anh Nguyễn Mạnh Bảo Q, anh Nguyễn Mạnh Bảo K, chị Nguyễn Thị Như Y và chị Nguyễn Thị Như Q.

- Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Mạnh Phước H.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Lương Thị X.

- Sửa một phần bản án sơ thẩm số 56/2018/DS-ST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung.

- Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Mạnh Nam H và chị Triệu Thị P.

Buộc hộ bà Lương Thị X, Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn Thị Kim P, Nguyễn Mạnh Bảo Q, Nguyễn Mạnh Bảo K, Nguyễn Mạnh Phước H, Nguyễn Thị Như Y, Nguyễn Thị Như Q đồng Y có nghĩa vụ giao trả cho anh Nguyễn Mạnh Nam H và chị Triệu Thị P phần đất thuộc một phần thửa đất số 461, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.187,9m² từ mốc M1, đến M2, M3, M6, M1 đất tọa lạc tại xã Hòa Thành, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, do ông Nguyễn Mạnh Đông Triều đứng tên quyền sử dụng đất, theo Mảnh trích đo địa chính số 34-2018 của Văn phòng đăng kY đất đai huyện Lai Vung ngày 16/5/2018.

- Công nhận sự thỏa thuận của anh Nguyễn Mạnh Nam H và chị Triệu Thị P với bà Lương Thị X.

Anh Nguyễn Mạnh Nam H và chị Triệu Thị P đồng Y bồi hoàn giá trị cây trồng trên đất tranh chấp cho bà Lương Thị X, gồm 52 cây Mít (46 cây thuộc nhóm C và 6 cây thuộc nhóm D), 14 cây Ổi, với số tiền là 8.020.000 đồng; đồng thời anh Nguyễn Mạnh Nam H và chị Triệu Thị P được sở hữu toàn bộ các cây trồng nói trên.

(Vị trí, hiện trạng, tứ cận, số đo của một phần thửa đất số 461, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.187,9m², mục đích sử dụng đất lXa, tọa lạc tại xã Hòa Thành, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, do ông Nguyễn Mạnh Đông Triều đứng tên quyền sử dụng đất, có biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và Mảnh trích đo địa chính số 34-2018 của Văn phòng đăng kY đất đai huyện Lai Vung ngày 16/5/2018 kèm theo).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên pH thi hành án còn pH chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật các đương sự pH có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai để kê khai, đăng ký, điều chỉnh cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với một phần thửa đất số 461, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.187,9m², mục đích sử dụng đất IXd, tọa lạc tại xã Hòa Thành, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, do ông Nguyễn Mạnh Đông Triều đứng tên quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Lương Thị X, chị Nguyễn Thị Thanh T, chị Nguyễn Thị Kim P, anh Nguyễn Mạnh Bảo Q, anh Nguyễn Mạnh Bảo K, anh Nguyễn Mạnh Phước H, chị Nguyễn Thị Như Y, chị Nguyễn Thị Như Q pH liên đới chịu 300.000 đồng.

- Anh Nguyễn Mạnh Nam H và chị Triệu Thị P pH chịu 401.000 đồng án phí sơ thẩm (đối với phần giá trị cây), nhưng được khấu trừ vào các tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.312.500 đồng theo biên lai thu số 0001181, ngày 30/3/2018 và 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001435 ngày 11/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung; anh H, chị P được nhận lại 1.211.500 đồng.

- Về án phí dân sự phXc thẩm: Bà Lương Thị X, chị Nguyễn Thị Thanh T, chị Nguyễn Thị Kim P, anh Nguyễn Mạnh Bảo Q, anh Nguyễn Mạnh Bảo K, anh Nguyễn Mạnh Phước H, chị Nguyễn Thị Như Y, chị Nguyễn Thị Như Q không pH chịu và được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002592 ngày 14/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung.

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Anh Nguyễn Mạnh Nam H tự nguyện chịu toàn bộ là 3.076.000 đồng. Anh Nguyễn Mạnh Nam H đã tạm nộp và đã chi xong.

- Bản án phXc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng GD & KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Lai Vung;
- Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- Đường sự
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHXC THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy